

Bản án số: 136/2019/HS-ST
Ngày : 15/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bình

Bà Trần Thị Minh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiên - Thư ký tòa án nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Cao Xuân Cường - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 131/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Đức T, sinh năm 1973 tại Tp. Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 76/22C7 Bà H, Phường A, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Phát B (chết) và bà: Lê Thị L, sinh năm 1949; có vợ: Đào Thị C, sinh năm 1971 và 01 con, sinh năm 2002; nhân thân:

+ Bản án số 46/HS-ST ngày 22/5/1991 Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”;

+ Bản án số 899/HSST ngày 19/10/1993 Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh 02 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, bị cáo kháng cáo, Bản án số 262/HSPT ngày 26/3/1994 Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Tp. Hồ Chí Minh y án sơ thẩm;

+ Bản số 183/HSST ngày 10/11/1993 Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản của công dân”;

+ Bản án số 2231/HSST ngày 17/11/1997 Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”;

+ Bản án số 136/HS-ST ngày 21/8/2000 Tòa án nhân dân Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ”.

+ Bản án số 1465/2006/HSST ngày 28/9/2006 Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/9/2015;

Tiền án: không; tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: 09/4/2019. Có mặt.

2. Nguyễn Hồng C, sinh năm 1988 tại Quảng Ngãi; nơi đăng ký thường trú: thôn Hòa S, xã C, huyện D, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: D15/31 khu phố Bình T, phường E thị xã F, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn X (chết) và bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1951; có vợ: Lê Thanh V, sinh năm 1992 và 01 con, sinh năm 2007; nhân thân: Bản án số 224/2015/HSST ngày 30/12/2015 Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: 11/4/2019, thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 09/7/2019. Có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Mạch Quốc V, sinh năm 1972, nơi cư trú: 41 Nguyễn D, Phường 7, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Anh Trương Quang H, sinh năm 1994, nơi cư trú: 394/41 Âu C, Phường I, quận K, Tp. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3. Chị Phạm Minh T, sinh năm 1997, nơi cư trú: 394/41 Âu C, Phường I, quận K, Tp. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972, nơi cư trú: 88/2/46 Phan Sào Nam, Phường II, quận K, Tp. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 50 phút ngày 09/4/2019, Công an quận Tân Bình kiểm tra hành chính tiệm game bắn cá tại số 127 Ni Sư Huỳnh L, Phường I, quận K, phát hiện bắt quả tang Trần Đức T có hành vi cất giấu ma túy, thu trong túi quần sau bên phải của T có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,7987 gam. Thành khai nhận nguồn gốc số ma túy trên là mua của một người phụ nữ không rõ lai lịch ở Quận M với giá 1.200.000 đồng, mục đích để sử dụng. Tiền mua ma túy là do T trộm cắp xe gắn máy tại Phường 9, quận Tân Bình mà có.

Mở rộng điều tra, xác định: Khoảng 08 giờ 40 phút ngày 09/4/2019, Trần Đức T đi bộ đến trước số 2/2/6 Thiên P, Phường I2, quận K phát hiện thấy có một xe gắn máy biển số 59F1-352.20 có treo đồ sửa ống nước của anh Mạch Quốc V dựng trước sân không người trông coi. T nảy sinh ý định chiếm đoạt nên lén lút tiếp cận, dùng khóa tự chế mở khóa xe, điều khiển xe chạy thoát đến

khách sạn Lê V, số 128 Thành T, Phường O, Quận P để bán xe cho Nguyễn Hồng C. Kiểm tra thấy trong cốp xe có giấy đăng ký xe nên C mua với giá 5.000.000 đồng.

Tiến hành truy xét, lấy lời khai Nguyễn Hồng C, Chung khai nhận khi mua xe gắn máy trên, Thành có nói nguồn gốc xe là do mới trộm cắp được. Sau khi mua xe, C bán lại cho Dương Bảo T với giá 7.000.000 đồng. Khi Công an làm việc, C đã gọi cho Nguyễn Văn C (em ruột C) liên hệ với Thái để mua lại chiếc xe trên, giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra, Trần Đức T còn khai nhận đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tại địa bàn quận Tân Bình, cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 10/2018, Thành trộm cắp được 01 xe gắn máy hiệu Hoadá Wave (không nhớ biển số) tại hẻm đường Hồng L, Phường I, quận K, mang bán cho Nguyễn Hồng C với giá 1.000.000 đồng. Khi bán, T có nói cho C biết đây là xe do trộm cắp mà có. Xác minh tại Công an Phường 10, quận Tân Bình, kết quả không có ai đến trình báo mất xe gắn máy có đặc điểm, thời gian và địa điểm như T khai. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình đã có công văn đăng báo tìm bị hại nhưng chưa có kết quả. Do đó, không có cơ sở xác minh, xử lý T và C.

- Vụ thứ hai: Ngày 18/11/2018, T và đối tượng “T thọt” (không rõ nhân thân, lai lịch) đột nhập vào nhà số 394/41 Âu C, Phường I, quận K trộm cắp được 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter (không rõ biển số) của anh Trương Quang H và 01 xe gắn máy hiệu Honda Vision biển số 94D1-409.49 của chị Phạm Minh T, mang đi bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch ở gần bùng binh Lê Đại H – Âu C được 14.000.000 đồng và chia nhau tiêu xài hết.

- Vụ thứ ba: Vào khoảng tháng 11/2018, T và đối tượng tên Kim A (không rõ nhân thân, lai lịch) trộm cắp được 01 xe gắn máy hiệu Honda Airblade màu vàng đen, biển số 59P1-909.48 của chị Nguyễn Thị T1 đang dựng trước nhà số 88/2/46 Phan Sào N, Phường II, quận K, mang đi bán được 10.000.000 đồng, chia cho Kim A 1.000.000 đồng, còn lại T tiêu xài hết.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Futute biển số 59F1-352.20 và một số dụng cụ sửa ống nước của anh Mạch Quốc V. Qua định giá, xe gắn máy và số tài sản trên trị giá 15.186.000 đồng. Anh V đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter của anh Trương Quang H không thu hồi được. Anh H khai do anh mới mua xe trên từ một người đàn ông trên mạng (không rõ nhân thân, lai lịch, không lưu số điện thoại), giấy đăng ký xe và giấy tờ mua bán tay đều bỏ trong cốp xe nên khi bị mất xe, anh H không nhớ được biển số xe. Do đó không có cơ sở để định giá xác định trị giá xe gắn máy trên. Anh H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Vision biển số 94D1-409.49 của chị Phạm Minh T, không thu hồi được. Qua định giá, xe gắn máy trên trị giá 25.000.000 đồng. Chị T yêu cầu bị cáo bồi thường 20.000.000 đồng.

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Airblade màu vàng đen, biển số 59P1-909.48 của chị Nguyễn Thị T1, không thu hồi được. Qua định giá, xe gắn máy trên trị giá 30.000.000 đồng. Chị T1 yêu cầu bị cáo bồi thường 30.000.000 đồng.

- 02 USB ghi lại hình ảnh các vụ trộm cắp do T thực hiện.

- 01 gói niêm phong, bên ngoài có chữ ký của giám định viên Trần Đình Hải (ma túy còn lại sau giám định).

- 01 nón lưỡi trai màu xanh, 01 áo jean màu xanh dài tay, 01 quần jean màu xanh ống dài, 01 đôi dép thu giữ của bị cáo T.

- Thu giữ của C: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số tiền 220.000 đồng, 01 biển số xe 59V2-757.99 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy biển số 59D2-704.56 mang tên Đặng Văn T. C khai nhận điện thoại di động và số tiền 220.000 đồng là tài sản cá nhân của C, đối với 01 biển số xe 59V2-757.99 là C mua trên mạng do thấy đây là biển số đẹp và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy biển số 59D2-704.56 là C nhặt được ngoài đường.

Qua xác minh, chủ sở hữu xe gắn máy có biển số xe 59V2-757.99 là chị Cao Thị Y, địa chỉ: 105/39/3 đường 59, Phường X, quận Y. Qua làm việc với anh Lê Đình K (chồng chị Y) cho biết chị Y vẫn đang quản lý sử dụng xe gắn máy có biển số trên, quá trình sử dụng không bị mất giấy đăng ký xe và biển số xe.

Còn đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy biển số 59D2-704.56 mang tên Đặng Văn T, địa chỉ: 35 Yên Đ, phường R, quận S. Xác minh tại địa bàn quận S, tại địa chỉ trên không có ai tên Đặng Văn T. Xác minh xe gắn máy có biển số 59D2-704.56 là của bà Phạm Thị C, địa chỉ: 262/2/26 Phan A, phường R1, quận S. Bà C cho biết có sở hữu 01 xe gắn máy có biển số 59D2-704.56 nhưng đã bán cho một người khác, không nhớ người mua là ai vào đầu năm 2019.

Đối với Nguyễn Văn C và Dương Bảo T không biết tài sản do C tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý.

Đối với đối tượng “T thọt” và Kim A, không rõ nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở điều tra.

Quá trình xác minh lý lịch của C phát hiện chị Lê Thanh V (vợ của C), sinh ngày 14/6/2019 có 01 người con trai Nguyễn Hồng Gia H, sinh ngày 06/11/2007 tại bệnh viện Gia Đ. Tại thời điểm sinh con, chị V chưa đủ 16 tuổi. C và chị V đều khai nhận cả hai có hành vi quan hệ tình dục tự nguyện với nhau nhiều lần vào thời điểm năm 2007 tại nhà không số thuộc đường số 8, Phường X, quận Y. Tuy nhiên, chưa đủ căn cứ để khởi tố C về tội “Giao cấu với người dưới 16 tuổi” vì chưa tiến hành giám định AND giữa Nguyễn Hồng C, chị Lê Thanh V và cháu Nguyễn Hồng Gia H. Do sự việc xảy ra tại địa bàn quận Y, Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình đã có công văn gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp để phối hợp điều tra C đối với hành vi này.

Tại bản cáo trạng số 128/CT-VKS ngày 10 tháng 10 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố bị cáo Trần Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Hồng C về tội “Tiêu thụ tài sản do bị cáo phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình nêu tóm tắt nội dung vụ án, các nguyên nhân điều kiện phát sinh tội phạm, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo T 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 02 năm đến 02 năm 06 tháng về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, xử phạt bị cáo C từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Về vật chứng thì đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, không có tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Trần Đức T và Nguyễn Hồng C, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, bị hại, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của bị hại, người làm chứng cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Đức T có hành vi cất giấu 0,7398 gam ma túy loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng, đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp “Methamphetamine có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 5 gam”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo Trần Đức T còn có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản 03 vụ khác nhau:

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Future cùng một số dụng cụ sửa ống nước, trị giá 15.186.000 đồng của anh Mạch Quốc V vào ngày 09/4/2019,

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter (do xe không thu hồi được, không rõ biển số xe nên không có cơ sở định giá) của anh Trương Quang H và 01 xe gắn máy hiệu Honda Vision biển số trị giá 25.000.000 đồng của chị Phạm Minh T vào ngày 18/11/2018,

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Airblade màu vàng đen trị giá 30.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị T1 vào khoảng tháng 11/2018.

Tổng cộng tài sản bị cáo lén lút chiếm đoạt là 70.186.000 đồng, đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”, là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Hồng C tuy biết xe gắn máy hiệu Honda Future do bị cáo Trần Đức T phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua lại để bán kiếm lời, hành vi của bị cáo C đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của các bị cáo là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội. Nó vừa trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản hợp pháp của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo hộ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có bị pháp luật ngăn cấm và bị trừng trị nhưng do động cơ tham lam nên các bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm một cách liêu lĩnh, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Trong vụ án này, bị cáo Thành có hành vi 03 lần trộm cắp xe gắn máy, thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù thật nghiêm nhằm mục đích giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo C đã nộp lại tài sản do phạm tội mà có để khắc phục hậu quả, mẹ của bị cáo C được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến, đề giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cho bị cáo C theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Mạch Quốc V đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì đối với bị cáo T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị hại chị Phạm Minh T và chị Nguyễn Thị T1 yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá các xe gắn máy không thu hồi được, cụ thể chị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, chị T1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 30.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý. Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc bị cáo bồi thường cho chị T số tiền 20.000.000 đồng, bồi thường cho chị T1 số tiền 30.000.000 đồng.

Đối với chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter bị cáo trộm cắp của anh Trương Quang H không thu hồi được, anh H không yêu cầu bị cáo T bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Đối với vụ trộm cắp xe gắn máy hiệu Future cùng một số dụng cụ sửa ống nước của anh Mạch Quốc V, bị cáo T đã bán cho bị cáo C được số tiền 5.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[5] Vật chứng vụ án:

- 01 gói niêm phong, bên ngoài có chữ ký của giám định viên Trần Đình Hải (ma túy còn lại sau giám định) là vật Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu và tiêu hủy.

- 02 USB chứa hình ảnh khi phạm tội của bị cáo T là chứng cứ của vụ án và có thể lưu giữ được trong hồ sơ vụ án nên cần lưu vào hồ sơ vụ án.

- 01 nón lưỡi trai màu xanh, 01 áo jean màu xanh dài tay, 01 quần jean màu xanh ống dài, 01 đôi dép thu giữ của bị cáo T. Hội đồng xét xử xét thấy đây là những vật không có giá trị và bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu và tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số tiền 220.000 đồng, 01 biển số xe 59V2-757.99 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy biển số 59D2-704.56 mang tên Đặng Văn T thu giữ của bị cáo C. Hội đồng xét xử xét thấy điện thoại di động bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; số tiền 220.000 đồng là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo; đối với 01 biển số xe 59V2-757.99 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy biển số 59D2-704.56 mang tên Đặng Văn T là những vật không có giá trị nên tịch thu và tiêu hủy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Đức T;

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hồng C.

Căn cứ Điều 106; Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[1] Tuyên bố bị cáo Trần Đức T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Hồng C phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo: Trần Đức T 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 (sáu) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 09/4/2019.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Hồng C 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 11/4/2019 đến ngày 09/7/2019.

[2] Buộc bị cáo Trần Đức T bồi thường cho chị Phạm Minh T số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Buộc bị cáo Trần Đức T nộp lại số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu) đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[3] Lưu vào hồ sơ vụ án: 01 USB màu đỏ (01 gói niêm phong bằng bao thư, bên ngoài có chữ ký của Mạch Quốc V và hình dấu Công an Phường 9, quận Tân Bình) và 01 USB màu đen (01 gói niêm phong bằng bao thư, bên ngoài có chữ ký của Trần Chí Vĩ và hình dấu Công an Phường 10, quận Tân Bình).

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia, model 105, số seri: 352891105926154.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 gói niêm phong, bên ngoài có chữ ký của giám định viên Trần Đình Hải (ma túy còn lại sau giám định); 01 nón lưỡi trai màu xanh, 01 áo jean màu xanh dài tay, 01 quần jean màu xanh ống dài, 01 đôi dép; 01 biển số xe 59V2-757.99 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy số 040982, biển số 59D2-704.56 tên chủ xe Đặng Văn Toàn.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hồng C số tiền 220.000 (hai trăm hai mươi ngàn) đồng.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 134/PNK ngày 12/7/2019 của Công an quận Tân Bình).

[4] Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Đức T phải chịu 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Đức Thụ